

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy
theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh Về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Điều 11, Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 3307/QĐ-HVBCCTT ngày 12/9/2014 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
- Điều 2.** Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3307/QĐ-HVBCCTT ngày 12/9/2014 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc ban hành Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ.
- Điều 3.** Các đồng chí Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Trưởng các Khoa đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và các sinh viên hệ đại học chính quy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Học viện CTQG HCM;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: Văn thư, ĐT.



PGS, TS. Trương Ngọc Nam

QUY ĐỊNH

Đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT

ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy định này áp dụng đối với đơn vị, cá nhân tham gia vào quá trình đào tạo, sinh viên các khoá đào tạo hệ chính quy trình độ đại học thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành, kiểu ngành chính - ngành phụ, kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Chương trình được thực hiện với khối lượng tối thiểu của mỗi chương trình là 120 tín chỉ.

Điều 3. Học phần và tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố hợp lý trong

một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã riêng do Học viện quy định.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình mà sinh viên phải tích lũy.

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của cố vấn học tập nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30-45 tiết thực hành, thí nghiệm hay thảo luận; 45-90 giờ thực tập tại cơ sở; 45-60 giờ làm tiểu luận, tác phẩm tốt nghiệp, khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

4. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

5. Việc tính số giờ giảng dạy của giảng viên cho các học phần trên cơ sở số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng tự học cho sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp, số giờ đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ hoặc xemina, hoặc bài tập lớn.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy của Học viện được tính từ 7h00 đến 22h20 hằng ngày.

Tùy theo số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của Học viện, Ban Quản lý Đào tạo sắp xếp thời khoá biểu hằng ngày cho các lớp.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ.

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học

phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khoá học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khoá học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Học viện Báo chí và Tuyên truyền tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ. Thời gian của năm học bắt đầu từ đầu tháng 8 năm trước và kết thúc vào cuối tháng 6 năm sau. Mỗi năm học có 2 kỳ học chính, mỗi kỳ học chính có 15 tuần học và 03 tuần thi. Trường hợp đặc biệt, Trường ban Quản lý Đào tạo đề nghị Giám đốc Học viện quyết định thêm học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

Thời gian thiết kế cho một khoá học bậc đại học hệ chính quy tập trung là 4 năm.

Thời gian đào tạo được xác định trên cơ sở học phần và khối lượng tích lũy quy định cho từng chương trình và trình độ đào tạo theo tín chỉ.

2. Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên tự sắp xếp để rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập như sau:

Bậc học	Thời gian đào tạo	Thời gian rút ngắn tối đa	Thời gian kéo dài tối đa
Đại học	4 năm	2 học kỳ chính	4 học kỳ chính

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

3. Căn cứ vào danh mục chương trình đào tạo, Ban Quản lý Đào tạo lập kế hoạch cho học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo năm học được Giám đốc Học viện phê duyệt và thông báo cho các đơn vị chậm nhất vào đầu tháng 5.

4. Căn cứ kế hoạch đào tạo năm học, Ban Quản lý Đào tạo và các khoa xây

dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ. Ban Quản lý Đào tạo lập Thời khoá biểu dự kiến của học kỳ sau để sinh viên đăng ký, sau khi có Thời khoá biểu chính thức sẽ gửi cho các khoa, bộ môn và đưa lên website chậm nhất là hai tuần lễ trước khi kết thúc học kỳ.

5. Trong từng học kỳ, Ban Quản lý Đào tạo làm việc với các khoa để xây dựng kế hoạch thực hành thực tập các môn học, đồng thời quy định số nhóm thực hành, thực tập, xêmina của từng lớp. Kế hoạch thực hành, thực tập môn học được Giám đốc Học viện phê duyệt chậm nhất là 2 tuần lễ trước khi bắt đầu học kỳ mới.

6. Không điều chỉnh kế hoạch giảng dạy, học tập của các học kỳ sau khi đã công bố Thời khoá biểu chính thức.

Điều 7. Đăng ký nhập học

1. Khi nhập học, sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và được quản lý tại các khoa chủ quản.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Ban Quản lý Đào tạo trình Giám đốc Học viện ký quyết định công nhận người đến nhập học là sinh viên chính thức của Học viện và cấp cho sinh viên: Thẻ sinh viên; Sổ tay sinh viên.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Sinh viên nhập học được cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy định tổ chức đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

5. Sinh viên cần cung cấp một số thông tin cá nhân khi Ban Quản lý Đào tạo hoặc phòng Công tác chính trị yêu cầu.

Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo

1. Đối với những ngành/chuyên ngành được xác định điểm chuẩn riêng thì những thí sinh đạt yêu cầu xét tuyển được sắp xếp vào học các ngành/chuyên ngành đã đăng ký.

2. Đối với những ngành/chuyên ngành được xác định điểm chuẩn theo nhóm ngành thì căn cứ vào chỉ tiêu và số lượng thí sinh đăng ký để sắp xếp vào các ngành/chuyên ngành học. Căn cứ vào đăng ký chọn ngành/chuyên ngành, điểm

thi tuyển sinh và kết quả học tập, Học viện sắp xếp sinh viên vào các ngành/chuyên ngành học. Mỗi sinh viên được đăng ký một số nguyện vọng chọn ngành/chuyên ngành theo thứ tự ưu tiên.

3. Đối với những ngành đào tạo theo chương trình tiên tiến hay chất lượng cao, nhà trường tổ chức thi tuyển và xét duyệt vào ngành học mà sinh viên có nguyện vọng.

4. Sau khi sắp xếp sinh viên vào học các ngành/chuyên ngành đào tạo, hồ sơ sinh viên được chuyển về khoa chủ quản.

Điều 9. Tổ chức lớp học

1. Lớp học được tổ chức theo từng học phần trên cơ sở đăng ký khối lượng tín chỉ học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

- Số lượng sinh viên cho mỗi lớp học lý thuyết từ 40 - 200 sinh viên tùy theo từng loại học phần.

- Số lượng sinh viên cho mỗi nhóm thực hành/thực tập từ 40 - 75 sinh viên tùy theo từng loại học phần. Ban Quản lý Đào tạo thông báo Thời khoá biểu dự kiến trước khi sinh viên đăng ký học phần. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Học viện quyết định.

2. Nếu số lượng sinh viên đăng ký học phần thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải chuyển sang đăng ký học những học phần khác có lớp, nếu chưa đủ khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ theo quy định của Học viện.

Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập

1. Trước ngày 15/5 và 01/12 hằng năm, nhà trường thông báo Thời khoá biểu dự kiến cho từng chương trình trong học kỳ, dự kiến số lớp học phần và số lượng sinh viên/lớp học phần sẽ mở, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần.

2. Tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từ ngày 01/12 đến 15/12 và từ ngày 15/5 đến 01/6 hằng năm, sinh viên đăng ký online các học phần sẽ học trong học kỳ 2 và học kỳ 1 trên Website (Mẫu 1). Từ ngày 22/12 đến 30/12 và từ ngày 6/6 đến 12/6 sinh viên nộp đơn xin đăng ký bổ sung học phần (Mẫu 2) hoặc huỷ các học phần đã đăng ký (mẫu 3) tại Ban Quản lý Đào tạo.

3. Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a) Từ 14 - 25 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khoá học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b) Từ 10 - 13 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khoá học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu;

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

4. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

5. Sinh viên đăng ký quá ít học phần trong học kỳ (dưới 10 tín chỉ) sẽ bị kỷ luật ở hình thức khiển trách, nếu 2 học kỳ liên tiếp thì sẽ bị buộc thôi học.

6. Sinh viên phải đăng ký tối thiểu 16 tín chỉ (trừ học kỳ cuối và không kể học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) trong một học kỳ mới được xếp vào diện được xét cấp học bổng.

7. Sinh viên có nhu cầu học để được cấp chứng chỉ riêng cho một hoặc nhiều học phần nằm ngoài chương trình đào tạo đang học có thể đăng ký vào lớp học phần theo quy định.

8. Trong thời gian thực hiện khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp, sinh viên vẫn có thể đăng ký thêm các học phần khác sao cho tổng số tín chỉ tối đa không vượt quá tổng số tín chỉ cho phép trong học kỳ và được giảng viên hướng dẫn cho phép.

9. Ban Quản lý Đào tạo chỉ nhận đăng kí học tập của sinh viên ở mỗi kì học sau khi sinh viên đăng kí học tập trên cổng thông tin, được phê duyệt và có chữ kí chấp thuận của cố vấn học tập trên phiếu đăng kí học tập. Khối lượng đăng kí học tập theo từng kì của từng sinh viên phải được cố vấn học tập lưu trữ qua phiếu đăng kí học tập. Trên cơ sở khối lượng đăng kí học tập đã phê duyệt, cố vấn học tập tổng hợp và nộp lên Ban Quản lý Đào tạo.

Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện đến hết tuần thứ 2 kể từ đầu học kỳ chính, hết tuần thứ 1 kể từ đầu học kỳ phụ (nếu có). Ngoài thời hạn nêu trên học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F. Sinh viên xin rút học phần đã đăng ký sẽ không được trả lại tiền học phí.

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

a) Sinh viên phải tự viết đơn (mẫu 4) nộp tại Ban Quản lý Đào tạo;

b) Được cố vấn học tập chấp thuận hoặc theo quy định của Giám đốc Học viện;

c) Không vi phạm khoản 3 Điều 10 của Quy định này.

Điều 12. Đăng ký học lại

1. Sinh viên không thuộc đối tượng buộc thôi học có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại đối với học phần bị điểm D trở lên để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Mức học phí tính chỉ đối với học phần đăng ký học lại và học cải thiện điểm gấp 1,5 lần mức học phí tính chỉ hiện hành.

4. Thời gian đăng ký học lại: cùng thời gian quy định đăng ký học phần (Khoản 2 Điều 10). Đối với các lớp học tập trung ngoài giờ, học trong học kỳ hè sẽ có thông báo riêng.

Điều 13. Miễn học, miễn thi, nghỉ ốm

1. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình, sinh viên học văn bằng 2 được bảo lưu những học phần có cùng nội dung và có số tín chỉ tương đương hoặc lớn hơn số tín chỉ của học phần thuộc chương trình giáo dục của ngành.

2. Sinh viên bị ốm trong đợt thi phải viết đơn xin hoãn thi (mẫu 10) gửi Ban Quản lý Đào tạo chậm nhất là 7 ngày kể từ ngày thi và phải xuất trình giấy chứng nhận của Phòng y tế Học viện, hoặc y tế địa phương, hoặc của bệnh viện.

Trường hợp sinh viên muốn xin hoãn thi do có người thân (ông, bà, bố, mẹ, anh chị em ruột, con) mất vào ngày thi hoặc trước ngày thi từ 1 đến 2 ngày phải viết đơn xin phép (mẫu 10) gửi Ban Quản lý Đào tạo chậm nhất là 7 ngày kể từ ngày thi và nộp giấy xác nhận của Ủy ban nhân xã về sự việc trên trong thời gian 3 ngày sau khi nộp đơn.

Các trường hợp đặc biệt khác do bị tai nạn phải nhập viện, đi cấp cứu trong tình trạng nguy kịch, bị ốm vào ngày thi nhưng ngày thi là ngày nghỉ (Thứ bảy, Chủ nhật), sinh viên phải nộp đơn xin hoãn thi và các giấy xác nhận của y tế chậm nhất là 7 ngày kể từ ngày thi.

Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được

xếp hạng năm đào tạo như sau:

- a) Sinh viên năm thứ nhất: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ;
- b) Sinh viên năm thứ hai: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ;
- c) Sinh viên năm thứ ba: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 60 tín chỉ đến dưới 90 tín chỉ;
- d) Sinh viên năm thứ tư: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 90 tín chỉ trở lên;

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 15. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Giám đốc Học viện xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học (mẫu 5) trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, có giấy xác nhận của cơ quan y tế cấp huyện trở lên (kèm theo giấy nhập, xuất viện và hoá đơn viện phí);

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của Quy định này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn (mẫu 6) gửi về Ban Quản lý Đào tạo (có xác nhận tại nơi cư trú) ít nhất một tuần trước thời gian đăng ký học phần của học kỳ.

Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng năm học, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được dựa trên điểm trung bình chung

tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá;

Số lần cảnh báo kết quả học tập không vượt quá 2 lần liên tiếp.

2. Sau mỗi học kỳ sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy định này;

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy định này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của Học viện.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Học viện có thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng. Sinh viên có nhu cầu học cùng lúc hai chương trình phải viết đơn (mẫu 7) kèm theo bảng điểm các môn đã học ở chương trình thứ nhất nộp về Ban Quản lý Đào tạo trước ngày 30/4 và 15/11 hằng năm. Căn cứ Quy định tổ chức đào tạo, nhà trường xét duyệt và quyết định cho sinh viên học chương trình thứ hai trước ngày 15/5 và 30/11 hằng năm để sinh viên đăng ký học phân trong học kỳ theo quy định.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;

c) Khối thi tuyển sinh đầu vào của khoá học phù hợp với ngành học ở chương trình 2.

d) Hiện không phải là sinh viên học kỳ cuối cùng của khoá học.

e) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ của từng chương trình đạt dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy định này.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

5. Sau khi hoàn thành chương trình 2, sinh viên phải làm đơn đề nghị Nhà trường xét tốt nghiệp (mẫu 8).

Điều 18. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;

b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khoá;

d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;

e) Tại thời điểm chuyển trường không thuộc diện bị buộc thôi học.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường (mẫu 9);

b) Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 19. Nội dung và phương thức đánh giá học phần

1. Nội dung đánh giá học phần gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên.

2. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm đánh giá ý thức học tập; điểm kiểm tra giữa học phần (lý thuyết hoặc thực hành); điểm thi kết thúc học phần.

3. Trọng số của điểm đánh giá bộ phận trong điểm học phần được tính như sau:

- Điểm đánh giá ý thức học tập: 0,10;
- Điểm kiểm tra giữa học phần: 0,30;
- Điểm thi kết thúc học phần: 0,60.

4. Đối với các học phần thực hành: điểm học phần là Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ.

5. Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến một số thập phân.

6. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp chấm điểm đánh giá ý thức học tập, ra đề và chấm bài kiểm tra giữa học phần.

7. Giảng viên lấy Danh sách sinh viên theo học học phần trên phần mềm quản lý đào tạo.

8. Thời hạn nộp điểm đánh giá ý thức học tập; điểm kiểm tra giữa học phần: trong vòng 3 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy học phần theo Thời khoá biểu đã ban hành. Bản in có chữ ký của giảng viên phụ trách học phần và xác nhận của Ban Chủ nhiệm khoa nộp về Ban Quản lý Đào tạo; gửi file mềm cho Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo.

Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Trong mỗi học kỳ, Học viện tổ chức 1 - 2 kỳ thi chính và nếu có điều kiện, tổ chức thêm một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính (có lý do chính đáng) và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính. Ban Quản lý Đào tạo bố trí lịch thi kết thúc học phần, công bố trên trang Website: <http://ajc.hcma.vn/> 30 ngày trước khi thi.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ.

3. Thời gian thi của các học phần, môn học theo hình thức tự luận: Học phần có khối lượng 2 tín chỉ: 90 phút; học phần có khối lượng 3 tín chỉ: 120 phút; học phần có khối lượng từ 4 tín chỉ trở lên: 180 phút. Thời gian thi theo hình thức trắc nghiệm ít nhất 15 phút/tín chỉ.

4. Giảng viên lấy Danh sách sinh viên dự thi học phần trên phần mềm quản lý đào tạo. Đối với các học phần thi tập trung theo Quy định của Giám đốc Học viện, Ban Quản lý đào tạo chuẩn bị và phối hợp với khoa, Phòng Thanh tra, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo tổ chức thi các học phần.

5. Điều kiện dự thi kết thúc học phần.

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần sau khi đã trả nợ học phí (nếu có) và nộp đủ học phí của học kỳ theo thời gian quy định của Nhà trường và có đủ các điều kiện sau:

a) Đối với các học phần lý thuyết: Có mặt trên lớp học ít nhất 75% số giờ quy định.

b) Đối với các học phần chỉ có thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành.

c) Đối với các học phần có cả thực hành và lý thuyết: Tham dự đầy đủ số giờ quy định cho phần thực hành, phải hoàn thành đầy đủ các bài thực hành, thực tập và được đánh giá là đạt phần thực hành, đồng thời đủ điều kiện dự thi phần lý thuyết (quy định tại mục a).

Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy trình thi và kiểm tra của trường.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, tác phẩm, bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Giám đốc Học viện duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần. Tổng số tín chỉ của các học phần được tổ chức thi bằng hình thức tiểu luận, tác phẩm, bài tập lớn không vượt quá 1/2 tổng số tín chỉ được bố trí giảng dạy trong học kỳ đó đối với các ngành Báo chí, Quan hệ công chúng, Quảng cáo, Xuất bản; và không vượt quá 1/3 tổng số tín chỉ được bố trí giảng dạy trong học kỳ đó đối với các ngành khác.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu

luận, tác phẩm, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm. Bài thi, tiểu luận, tác phẩm, bài tập lớn phải được lưu giữ ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, tác phẩm, bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình Trường bộ môn hoặc Trường khoa quyết định.

Bảng điểm thi kết thúc học phần phải có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và của Trường khoa và làm thành hai bản, một bản lưu tại khoa, một bản gửi về Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nhận bài chấm. Bảng điểm tổng hợp của học phần có chữ ký của cán bộ tổng hợp, Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo hoặc Trường khoa tổ chức giảng dạy. Bảng điểm tổng hợp được làm thành 04 bản, bản gốc gửi Ban Quản lý Đào tạo, 01 bản gửi khoa tổ chức giảng dạy, 01 bản gửi Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, 01 bản lưu văn thư. Sinh viên kiểm tra điểm trên phần mềm Quản lý đào tạo của Học viện.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0. Sinh viên có lý do chính đáng không thể dự thi kết thúc học phần phải làm đơn xin hoãn thi (mẫu 10), kèm theo các giấy tờ hợp lệ nộp cho Ban Quản lý Đào tạo trong vòng 1 tuần kể từ ngày thi. Khi đã được chấp nhận, sinh viên được sắp xếp thi cùng lớp khác và kết quả được tính là kết quả thi lần 1. Trường hợp không có kỳ thi phụ, những sinh viên này khi được Giám đốc Học viện cho phép sẽ dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ.

Điều 22. Kiểm tra quy trình chấm thi

Sinh viên có thể nộp đơn đề nghị kiểm tra lại quy trình chấm thi học phần (mẫu 11) cho Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày thông báo điểm trên mạng. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo và khoa giảng dạy học phần kiểm tra lại quy trình chấm, trả lời sinh viên sau 2 tuần kể từ ngày nhận đơn.

Điều 23. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

A (8,5 - 10)	Giỏi
B (7,0 - 8,4)	Khá
C (5,5 - 6,9)	Trung bình
D (4,0 - 5,4)	Trung bình yếu

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0) Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trường khoa cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trường khoa chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Giám đốc Học viện quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả

nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà Ban Quản lý Đào tạo của Học viện chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

Điều 24. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A	tương ứng với	4
B	tương ứng với	3
C	tương ứng với	2
D	tương ứng với	1
F	tương ứng với	0

Trường hợp sử dụng thang điểm chữ có nhiều mức, Giám đốc Học viện quy định quy đổi các mức điểm chữ đó qua các điểm số thích hợp, với một chữ số thập phân.

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi. Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ và mỗi năm học được xếp loại theo điều 28 của Quy định này.

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 25. Thực tập cuối khoá, làm khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp

Các sinh viên đủ tiêu chuẩn được đăng ký làm khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp được quy định như sau:

1. Làm khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp:

– Sinh viên hệ chính quy bậc đại học không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên trong quá trình học tập;

– Sinh viên đã tích lũy ít nhất được 80% số tín chỉ (không tính tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng);

– Điểm trung bình chung tích lũy của sinh viên đạt 2,50 trở lên.

Tỷ lệ sinh viên làm khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp không vượt quá 30% tổng số sinh viên mỗi lớp đối với hệ đào tạo văn bằng 1 và không quá 40% tổng số sinh viên đối với hệ đào tạo văn bằng thứ hai. Sinh viên Lào được đăng ký hình thức tốt nghiệp theo nguyện vọng.

Riêng đối với hình thức làm tác phẩm tốt nghiệp, các khoa phải có văn bản đề nghị Giám đốc Học viện duyệt trước khi cho sinh viên đăng ký.

Danh sách sinh viên được làm khoá luận tốt nghiệp được thông báo trước ngày 15/5 và 1/12 hằng năm để sinh viên có thể kịp thời gian đăng ký vào các lớp học phần của học kỳ tiếp theo của khoá học.

– Thời gian thực hiện đề tài khoá luận tốt nghiệp: từ 4 - 6 tháng.

– Khoá luận tốt nghiệp là một học phần có khối lượng: 7 tín chỉ (mẫu 14).

2. Học và thi một số học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: sinh viên không đủ tiêu chuẩn làm khoá luận tốt nghiệp phải đăng ký học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp được quy định trong chương trình khung đào tạo của ngành/chuyên ngành.

Điều 26. Chấm khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp

1. Kết thúc thời gian thực hiện đề tài khoá luận tốt nghiệp, được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn, sinh viên phải hoàn thành khoá luận tốt nghiệp và in thành 3 quyển đóng bìa mềm nộp tại khoa chuyên môn.

2. Đánh giá khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp bằng hình thức chấm điểm.

Thành phần tổ chấm gồm: tổ trưởng, thư ký và 1 ủy viên. Người hướng dẫn không tham gia tổ chấm nhưng phải có bản nhận xét gửi tới Tổ chấm trước khi tổ chức chấm 3 ngày. Tổ chấm khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp chỉ được tiến hành khi có mặt đầy đủ cả 3 thành viên.

Tổ chấm cho điểm bằng phiếu chấm. Điểm chấm khoá luận của từng thành viên tổ chấm theo thang điểm 10, chấm điểm lẻ đến một chữ số thập phân. Điểm học phần khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp là trung bình cộng điểm của các thành viên trong tổ chấm, làm tròn đến một chữ số thập phân, quy về thang điểm chữ theo quy định tại khoản 2, Điều 23 của Quy định này. Điểm khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

Chậm nhất 3 ngày sau khi chấm thi xong, các tiểu ban phải gửi biên bản và kết quả thi tốt nghiệp về Ban Quản lý Đào tạo.

3. Sinh viên không hoàn thành khoá luận tốt nghiệp do điều kiện khách quan được giảng viên hướng dẫn và khoa xác nhận, hoặc có kết quả chấm khoá luận tốt nghiệp bị điểm F phải đăng ký làm lại khoá luận tốt nghiệp hoặc phải học và thi 10 tín chỉ thay thế khoá luận tốt nghiệp. Việc làm lại khoá luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp do các khoa quy định.

Điều 27. Thời gian, điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Nộp đầy đủ học phí.

b) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

c) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo theo học (bao gồm các học phần bắt buộc và tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu);

d) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên;

đ) Thoả mãn các yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Giám đốc Học viện quy định;

e) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất;

f) Có đơn gửi Ban Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường

hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

g) Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học theo quy định của Học viện.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Học viện được Giám đốc uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng ban Quản lý Đào tạo làm Ủy viên thường trực và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn và một số phòng ban có liên quan.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Giám đốc Học viện ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

4. Sinh viên thuộc đối tượng hoãn công nhận tốt nghiệp một năm, khi hết thời hạn phải có đơn xin công nhận tốt nghiệp kèm theo bản kiểm điểm đánh giá những tiến bộ của bản thân và xác nhận của địa phương, nơi sinh viên về tham gia sản xuất, sinh hoạt hoặc công tác, đề nghị Giám đốc Học viện xét công nhận tốt nghiệp với khoá sau. Hồ sơ xin công nhận tốt nghiệp gửi về Ban Quản lý Đào tạo trước 1 tháng kể từ ngày Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp.

5. Sinh viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp nhưng chưa muốn xét tốt nghiệp do cần kéo dài thời gian ở trong trường theo quy định ở Khoản 2 điều 6 có thể viết đơn xin chưa xét tốt nghiệp (mẫu 12) và nộp Ban Quản lý Đào tạo vào cuối mỗi học kỳ.

Điều 28. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần, trong bảng điểm phải ghi chuyên ngành.

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 27 của Quy định này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên chưa được cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ các học phần đó để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của Học viện. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định.

Chương V XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 29. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp, nếu vi phạm quy định về tổ chức thi, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy./.



PGS, TS. Trương Ngọc Nam

Số: 22/QĐ-HVBCTT-ĐT

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản trong Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền gồm các nội dung sau:

- Điều 21, mục 2. Bổ sung thêm cụm từ: "*Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Học viện Quyết định*".

- Điều 22. Thay bằng cụm từ "*Phúc khảo bài thi học phần, thực hiện theo quy định hiện hành của Giám đốc Học viện*".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, sinh viên hệ đại học chính quy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Học viện CTQG HCM;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Giám đốc Học viện;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



PGS, TS. Trương Ngọc Nam

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

**QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ
ĐẠI HỌC THEO TÍN CHỈ**

Hà Nội - 2022



Số 1111-QĐ/HVBCTT-ĐT

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ

Căn cứ Quyết định số 6591-QĐ/HVCTQG ngày 01/11/2018 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 40/2012/TT-BGDĐT 19/11/2012 ban hành quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Đào tạo,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Điều 3. Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Trưởng các Khoa đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và các sinh viên trình độ đại học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Học viện CTQG HCM,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Hội đồng trường,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Như điều 3,
- Lưu VT, ĐT.



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Sơn

QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC THEO TÍN CHỈ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1111-QĐ/HVBCTT-ĐT
ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (sau đây gọi tắt là Học viện), bao gồm: chương trình đào tạo và thời gian học tập; hình thức và phương thức tổ chức đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; một số quy định khác liên quan đối với sinh viên của Học viện.

2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị, các tổ chức, cá nhân liên quan trong đào tạo trình độ đại học theo hình thức chính quy và hình thức vừa làm vừa học của Học viện.

Điều 2. Chương trình đào tạo và thời gian học tập

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần), trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp đào tạo song ngành hoặc ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo phải thể hiện rõ khối lượng học tập chung và riêng theo từng ngành.

2. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước.

3. Chương trình đào tạo phải được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho sinh viên.

4. Chương trình đào tạo trình độ đại học của Học viện có khối lượng từ 120 đến 150 tín chỉ (tùy theo từng ngành/chuyên ngành đào tạo), không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh.

5. Thời gian học tập

a. Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn, thời gian tối đa và tối thiểu

TT	Trình độ, hình thức đào tạo		Thời gian đào tạo		
			Theo kế hoạch chuẩn	Tối đa	Tối thiểu
1	Văn bằng 1	Chính quy	4 năm	8 năm	3 năm
		Vừa làm vừa học	5 năm	10 năm	3,5 năm
2	Văn bằng 2	Chính quy	2 năm	4 năm	1,5 năm
		Vừa làm vừa học	2,5 năm	5 năm	2 năm

b. Sinh viên thuộc đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành được kéo dài thời gian học tập tối đa để hoàn thành chương trình nhưng không quá 02 (hai) năm so với sinh viên diện bình thường.

c. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa và tối thiểu để sinh viên hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian hoàn thành kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ.

Điều 3. Hình thức dạy học, tín chỉ, giờ tín chỉ, học phần

1. Hình thức dạy học

a. Lý thuyết: sinh viên học tập trên lớp qua bài giảng trực tiếp của giảng viên tại lớp học hoặc qua các lớp học trực tuyến; hoặc kết hợp học trực tiếp và trực tuyến.

b. Thực hành: sinh viên học tập qua thực hành, thực tế, thực tập, làm bài tập, thảo luận, đọc và nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

c. Tự học: sinh viên tự học tập, nghiên cứu theo kế hoạch, nội dung do giảng viên giao và được kiểm tra, đánh giá.

2. Tín chỉ là đơn vị dùng để đo khối lượng kiến thức, kỹ năng và kết quả học tập đã tích lũy được từ học phần trong 15 giờ tín chỉ.

3. Giờ tín chỉ là đơn vị đo thời lượng học tập của sinh viên, được phân thành ba loại theo các hình thức dạy học và được xác định như sau:

a. Một giờ tín chỉ lý thuyết bằng 01 tiết lý thuyết; để tiếp thu được 1 giờ tín chỉ lý thuyết sinh viên phải dành ít nhất 2 tiết chuẩn bị cá nhân. Một tiết học lý thuyết, thực hành có thời lượng 50 phút.

b. Một giờ tín chỉ thực hành bằng 2 - 3 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 3 - 6 tiết thực tập tại cơ sở; 3 - 4 tiết làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc tác phẩm tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp; để tiếp thu được 1 giờ tín chỉ thực hành sinh viên phải dành ít nhất 2 tiết chuẩn bị cá nhân.

c. Một giờ tín chỉ tự học bắt buộc bằng 3 tiết tự học bắt buộc và được kiểm tra đánh giá.

3. Học phần

a. Học phần là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thuộc một phạm vi chuyên môn hẹp trong chương trình đào tạo. Một học phần thông thường được tổ chức giảng dạy, học tập trong một học kỳ.

b. Tùy thuộc yêu cầu của chương trình đào tạo, một học phần có thể là học phần lý thuyết, học phần thực hành, học phần lý thuyết kết hợp tự học, học phần thực hành kết hợp tự học, học phần lý thuyết kết hợp thực hành, hoặc học phần kết hợp lý thuyết, thực hành và tự học.

c. Mỗi học phần trong chương trình đào tạo của Học viện có khối lượng từ 2 đến 5 tín chỉ, một số học phần đặc thù có thể nhiều hoặc ít hơn số tín chỉ trên;

d. Đề cương chi tiết học phần phản ánh số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần; nội dung lý thuyết và thảo luận/thực hành, phương pháp giảng dạy, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo, nội dung ôn tập, thảo luận, chủ đề tiểu luận và điều kiện thực hành, thực tập phục vụ học phần (nếu có).

đ. Các loại học phần

- Học phần bắt buộc: là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

- Học phần tự chọn: là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Học viện nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định của mỗi chương trình.

- Học phần tương đương: là một hay một nhóm học phần thuộc chương trình đào tạo của một khóa, ngành khác đang tổ chức đào tạo tại Học viện hoặc trường khác, được phép tích lũy để thay cho một hay một nhóm học phần trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo. Học phần tương đương phải có nội dung giống ít nhất 75% và có số tín chỉ tương đương hoặc nhiều hơn so với học phần xem xét.

- Học phần thay thế: là học phần được sử dụng thay thế cho một học phần có trong chương trình đào tạo khoá trước nhưng khoá sau không còn tổ chức giảng dạy, hoặc là một học phần tự chọn thay cho một học phần tự chọn khác mà sinh viên học nhưng không đạt (điểm F). Học phần thay thế còn áp

dụng cho những trường hợp: cùng một học phần nhưng số tín chỉ của học phần ở khoá sau khác với khoá trước.

- Học phần tích lũy: Là học phần đã được đánh giá đạt theo thang điểm chữ A⁺, A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D. Tổng số tín chỉ của các học phần này tính từ lúc bắt đầu khoá học đến thời điểm xét, gọi là khối lượng kiến thức tích lũy.

Điều 4. Phương thức tổ chức đào tạo

Học viện tổ chức đào tạo theo tín chỉ, áp dụng thống nhất cho tất cả các khóa và hình thức đào tạo, cụ thể như sau:

a. Tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Học viện;

b. Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

c. Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn tương đương khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

Điều 5. Hình thức đào tạo

1. Đào tạo chính quy:

a. Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Học viện, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài Học viện;

b. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy và học tập:

Buổi	Tiết	Từ	Đến
SÁNG	1	7h00	7h50
	2	7h55	8h45
	3	8h50	9h40
	4	9h50	10h40
	5	10h45	11h35
CHIỀU	6	13h00	13h50
	7	13h55	14h45
	8	14h50	15h40
	9	15h50	16h40
	10	16h45	17h35
TỐI	11	17h45	18h35
	12	18h40	19h30
	13	19h35	20h25

Thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định cụ thể của Học viện.

2. Đào tạo vừa làm vừa học:

a. Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Học viện hoặc tại cơ sở phối hợp đào tạo theo quy định liên kết đào tạo tại Điều 6 của Quy định này. Riêng những hoạt động thực hành, kiến tập, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài Học viện, ngoài cơ sở phối hợp đào tạo;

b. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy linh hoạt trong ngày và trong tuần.

3. Đối với các ngành đào tạo ưu tiên phục vụ nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn, Học viện thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Điều 6. Liên kết đào tạo

1. Học viện liên kết đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học với các trường chính trị tỉnh, thành phố, trung tâm Bồi dưỡng chính trị, cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh; trường đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân với điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và cán bộ quản lý theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

2. Các yêu cầu tối thiểu đối với Học viện để thực hiện liên kết đào tạo:

a. Đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp và còn hiệu lực theo quy định;

b. Chương trình đào tạo dự kiến liên kết đào tạo đã được tổ chức thực hiện tối thiểu 03 khoá liên tục theo hình thức chính quy; từ khóa tuyển sinh năm 2024 yêu cầu chương trình đào tạo đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành;

c. Bảo đảm đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy tối thiểu 70% nội dung, khối lượng chương trình đào tạo;

d. Đã ban hành quy định về liên kết và đã thẩm định các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở phối hợp đào tạo;

3. Các yêu cầu tối thiểu của cơ sở phối hợp đào tạo:

a. Đáp ứng các yêu cầu về môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và cán bộ quản lý theo yêu cầu của chương trình đào tạo;

b. Đã có báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục gửi về cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; từ khóa tuyển sinh năm 2024 yêu cầu đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục theo quy định hiện hành.

4. Trách nhiệm của Học viện và cơ sở phối hợp đào tạo:

a. Học viện và cơ sở phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm ký kết hợp đồng liên kết đào tạo, thỏa thuận cụ thể về quyền và trách nhiệm của các bên trong việc phối hợp tổ chức thực hiện, quản lý quá trình dạy học bảo đảm chất lượng đào tạo và thực hiện nội dung đã thỏa thuận phù hợp với các quy định của Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan;

b. Học viện chịu trách nhiệm quản lý chất lượng đào tạo; báo cáo hoạt động liên kết đào tạo với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh; nếu cơ sở phối hợp đào tạo không đáp ứng được các yêu cầu về bảo đảm chất lượng theo quy định của học phần hoặc của chương trình đào tạo thì phải chuyển sinh viên về Học viện để tiếp tục đào tạo theo quy định và bảo đảm quyền lợi cho sinh viên;

c. Cơ sở phối hợp đào tạo có trách nhiệm cùng Học viện bảo đảm đủ điều kiện cơ sở vật chất thực hiện đào tạo; tham gia quản lý, giảng dạy, theo thỏa thuận giữa hai bên;

d. Học viện và cơ sở phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện hợp đồng liên kết đào tạo; thực hiện các quy chế về tuyển sinh, đào tạo; bảo đảm quyền lợi chính đáng cho giảng viên, sinh viên trong suốt quá trình thực hiện hoạt động đào tạo.

Chương II

LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY

Điều 7. Kế hoạch giảng dạy và học tập

1. Kế hoạch giảng dạy và học tập được xây dựng theo năm học, theo học kỳ đảm bảo phù hợp với hình thức đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo.

2. Kế hoạch năm học bắt đầu từ đầu tháng 8 năm trước và kết thúc vào cuối tháng 6 năm sau. Mỗi năm, Học viện tổ chức 02 hoặc 03 học kỳ chính với tổng số tối thiểu 30 tuần trên lớp. Ngoài các học kỳ chính, Học viện có thể tổ chức thêm học kỳ phụ.

3. Kế hoạch học kỳ bao gồm kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc trực tuyến), lịch học, lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khoá học, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo.

Mỗi học kỳ chính có ít nhất 10 tuần lên lớp; mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần lên lớp. Thời gian giảng dạy, học tập và thi cụ thể của từng học kỳ do Giám đốc quy định.

Kế hoạch năm học và thời khóa biểu học kỳ được xây dựng và thông báo tới các đơn vị, giảng viên, sinh viên trong toàn Học viện ít nhất hai tuần trước khi bắt đầu học kỳ.

4. Thời khóa biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khoá học, hình thức và chương trình đào tạo. Thời khóa biểu của các lớp học phải được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

Điều 8. Tổ chức đăng ký lớp học

1. Học kỳ đầu tiên của khoá học, Học viện bố trí sinh viên vào các lớp tín chỉ theo kế hoạch đào tạo, không tổ chức cho sinh viên đăng ký tín chỉ.

2. Các học kỳ tiếp theo, sinh viên đăng ký học tập theo thời khóa biểu dự kiến. Thời gian đăng ký học theo thông báo của Học viện muộn nhất là 01 tháng trước thời điểm bắt đầu học kỳ.

3. Sinh viên phải tự đăng ký (bằng tài khoản cá nhân qua Cổng thông tin sinh viên, bằng phiếu đăng ký hoặc kết hợp cả 2 hình thức này) lớp của các học phần dự định sẽ học trong học kỳ, gồm: những học phần mới, một số học phần chưa đạt (để học lại) và một số học phần đã đạt (để cải thiện điểm, nếu có) căn cứ danh sách học phần được mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần.

4. Khối lượng tín chỉ của sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a. Từ 14 - 25 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ đầu, học kỳ cuối khoá học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b. Từ 10 - 13 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khoá học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu;

c. Trong một học kỳ, sinh viên không đăng ký tín chỉ sẽ bị kỷ luật ở mức cảnh cáo, hai học kỳ liên tiếp sinh viên không đăng ký tín chỉ sẽ bị buộc thôi học.

5. Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ và với một trong các trường hợp sau:

- Không có lớp học phần mà sinh viên cần đăng ký học (do lớp học phần không đủ số sinh viên đăng ký tối thiểu để mở lớp hoặc do Học viện không mở lớp học phần này trong học kỳ);

- Tổng số tín chỉ chưa tích lũy của sinh viên ít hơn khối lượng học tập tối thiểu.

6. Sinh viên phải đăng ký tối thiểu 16 tín chỉ (trừ học kì đầu, học kỳ cuối khóa học và không kể học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh) trong một học kỳ, không bị điểm F bất kỳ học phần nào mới được xếp vào diện được xét cấp học bổng.

7. Sinh viên có nhu cầu học để được cấp chứng chỉ riêng cho một hoặc nhiều học phần nằm ngoài chương trình đào tạo đang học có thể đăng ký vào lớp học phần theo quy định.

8. Trong thời gian thực hiện khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp, sinh viên vẫn có thể đăng ký thêm các học phần khác sao cho tổng số tín chỉ tối đa không vượt quá tổng số tín chỉ cho phép trong học kỳ và được giảng viên hướng dẫn cho phép.

9. Ban Quản lý Đào tạo chỉ nhận đăng kí học tập của sinh viên ở mỗi kì học sau khi sinh viên đăng kí học tập trên cổng thông tin, được phê duyệt và có chữ kí chấp thuận của cố vấn học tập trên phiếu đăng kí học tập. Khối lượng đăng kí học tập theo từng kì của từng sinh viên phải được cố vấn học tập lưu trữ qua phiếu đăng kí học tập. Trên cơ sở khối lượng đăng kí học tập đã phê duyệt, cố vấn học tập tổng hợp và nộp cho Ban Quản lý Đào tạo.

Điều 9. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện trong 02 tuần kể từ học kỳ chính bắt đầu, trong 01 tuần kể từ học kỳ phụ bắt đầu. Ngoài thời hạn quy định, nếu sinh viên không đi học được xem như tự ý bỏ học, sinh viên phải nhận điểm F và phải nộp 100% học phí của học phần bỏ học.

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

- Sinh viên phải tự viết đơn (theo mẫu) nộp tại Ban Quản lý Đào tạo;
- Được cố vấn học tập chấp thuận hoặc theo quy định của Giám đốc Học viện;
- Không vi phạm khoản 4 Điều 8 của Quy định này.

Điều 10. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Tổ chức lớp học

a. Sinh viên trúng tuyển, nhập học theo Quy chế tuyển sinh đại học được xếp vào học theo ngành, chuyên ngành đào tạo đã đăng ký và trúng tuyển;

b. Lớp học được tổ chức theo hai loại:

- Lớp hành chính là lớp được tổ chức cho sinh viên cùng chuyên ngành, cùng ngành hoặc cùng chương trình đào tạo. Mỗi lớp hành chính có 01 lớp

trưởng, 02 lớp phó, 01 Bí thư, 01 phó Bí thư Đoàn, 03 ủy viên BCH Chi đoàn được Khoa/Viện chỉ định hoặc do tập thể lớp sinh viên bầu chọn.

- Lớp học phân là lớp được tổ chức cho sinh viên đăng ký học cùng một học phần theo thời khóa biểu học kỳ. Số lượng tối thiểu của mỗi lớp học phân là 40 sinh viên, nếu số sinh viên đăng ký dưới mức tối thiểu thì lớp học phân sẽ bị hủy (*trường hợp đặc biệt do Giám đốc Học viện quyết định*).

2. Thời khóa biểu và phân công giảng dạy

a. Theo kế hoạch đào tạo năm học, Ban Quản lý Đào tạo xây dựng thời khóa biểu từng học kỳ, Khoa/Viện tổ chức phân công giảng viên giảng dạy các lớp học phân theo thời khóa biểu;

b. Trong buổi học đầu tiên của học kỳ, của mỗi học phân, giảng viên giảng dạy học phân đó phân công 01 lớp trưởng và 01 lớp phó để giúp giảng viên quản lý lớp học phân đó.

c. Trong buổi học đầu tiên của học kỳ, của mỗi học phân, giảng viên giảng dạy giới thiệu đề cương chi tiết học phân và các quy định khác liên quan đến học phân.

3. Phương pháp dạy và học

Phương pháp dạy và học được phản ánh trong đề cương chi tiết của mỗi học phân. Dạy và học theo phương pháp lý thuyết, thảo luận, thực hành được áp dụng phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất và đặc thù học phân, trong đó:

- Số lượng sinh viên cho mỗi lớp học lý thuyết từ 40 - 200 sinh viên tùy theo từng loại học phân.

- Số lượng sinh viên cho mỗi nhóm thảo luận, thực hành/thực tập từ 40 - 75 sinh viên.

4. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền lợi của giảng viên giảng dạy các chương trình đại học được thực hiện theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện hành.

5. Cố vấn học tập:

Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền lợi của cố vấn học tập được thực hiện theo Quy định về công tác cố vấn học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 3935/QĐ-HVBCTT-ĐT, ngày 25 tháng 11 năm 2015, Hướng dẫn số 4082/HD-HVBCTT-ĐT ngày 08/11/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về Phụ cấp trách nhiệm đối với cố vấn học tập và cán bộ phục vụ đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều 11. Dạy học trực tuyến

1. Dạy học trực tuyến là hoạt động giảng dạy được tổ chức thực hiện trên hệ thống học trực tuyến.

2. Hệ thống dạy học trực tuyến là hệ thống phần mềm dạy học trực tuyến và hạ tầng công nghệ thông tin cho phép quản lý và tổ chức dạy học thông qua môi trường Internet, bao gồm: phần mềm tổ chức dạy học trực tuyến; hệ thống quản lý học tập trực tuyến; hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến.

3. Đối với đào tạo theo hình thức chính quy và vừa làm vừa học, tổng thời lượng dạy học trực tuyến không quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Học viện thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục Đào tạo và của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

4. Hoạt động dạy học trực tuyến được thực hiện theo thời khóa biểu học kỳ với nội dung dạy học theo đề cương chi tiết học phần được phê duyệt.

5. Học liệu dạy học trực tuyến được xây dựng theo quy định của Học viện được Khoa/Viện quản lý môn học/học phần thông qua Giám đốc phê duyệt.

6. Kiểm tra, đánh giá trong dạy học trực tuyến thực hiện theo quy định tại đề cương chi tiết mỗi học phần; trong đó điểm đánh giá bằng hình thức trực tuyến chiếm không quá 50% điểm học phần. Trường hợp đặc biệt thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

7. Trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân thực hiện theo Quy định dạy học trực tuyến hiện hành.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 12. Đánh giá và tính điểm học phần

1. Đánh giá học phần

a. Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua 03 (ba) điểm thành phần, đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có 01 (một) điểm đánh giá. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần;

b. Hình thức đánh giá: trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp hai hình thức này với trọng số như sau:

- Điểm đánh giá ý thức học tập: 0,20;
- Điểm kiểm tra giữa học phần: 0,30;
- Điểm thi kết thúc học phần: 0,50.

c. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần.

Việc tổ chức bảo vệ và đánh giá khóa luận trực tuyến được thực hiện theo *Quy định về việc tổ chức bảo vệ, đánh giá khóa luận/tác phẩm tốt nghiệp, đề cương luận văn, đề cương luận án, chuyên đề tiến sĩ và luận văn, luận án theo hình thức trực tuyến của Học viện Báo chí và Tuyên truyền* (ban hành kèm theo Quyết định số 4084-QĐ/HVBCCTT-ĐT ngày 31/8/2021 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

d. Giảng viên phụ trách học phần lấy Danh sách sinh viên theo học học phần trên phần mềm quản lý đào tạo, quản lý, theo dõi và trực tiếp chấm điểm đánh giá ý thức học tập, ra đề và chấm bài kiểm tra giữa học phần, công khai điểm với lớp trước khi kết thúc học phần.

đ. Giảng viên cập nhật điểm đánh giá ý thức học tập; điểm kiểm tra giữa học phần trong vòng 3 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy học phần theo Thời khoá biểu đã ban hành.

2. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

3. Cách tính điểm thành phần và điểm học phần

a. Điểm thành phần được chấm theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5 điểm;

b. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ và chuyển sang thang điểm 4, như sau:

- Loại đạt

TT	Thang điểm 10	Thang điểm 4	Thang điểm chữ
1	Từ 9,0 đến 10	4,0	A ⁺
2	Từ 8,5 đến 8,9	4,0	A
3	Từ 8,0 đến 8,4	3,5	B ⁺
4	Từ 7,0 đến 7,9	3,0	B
5	Từ 6,5 đến 6,9	2,5	C ⁺
6	Từ 5,5 đến 6,4	2,0	C
7	Từ 5,0 đến 5,4	1,5	D ⁺
8	Từ 4,0 đến 4,9	1,0	D

- Loại đạt không phân mức (ký hiệu điểm P): điểm học phần từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10), áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập.

- Loại không đạt: Sinh viên có điểm thi kết thúc học phần dưới 1 điểm; điểm học phần dưới 4,0 (theo thang điểm 10); 0,0 theo thang điểm 4; F theo thang điểm chữ.

- Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

Điều 13. Thi kết thúc học phần, chấm thi

1. Thi kết thúc học phần

Trong mỗi học kỳ, Học viện tổ chức 1 - 2 kỳ thi chính và nếu có điều kiện, tổ chức thêm một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính (có lý do chính đáng) và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính. Ban Quản lý Đào tạo bố trí lịch thi kết thúc học phần, công bố trên trang <http://daotaoajc.edu.vn> 30 ngày trước khi thi.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ.

3. Thời gian thi của các học phần

a. Thi tự luận: Học phần có khối lượng 1 tín chỉ: 45-60 phút; học phần 2 tín chỉ: 90 phút; học phần 3 tín chỉ: 120 phút; học phần có khối lượng từ 4 tín chỉ trở lên: 180 phút.

b. Thi trắc nghiệm: ít nhất 15 phút/tín chỉ.

c. Các môn Ngoại ngữ: thời gian thi viết (bao gồm các kỹ năng nghe, đọc, viết): 90 phút; thời gian thi vấn đáp: tối đa 10 phút/sinh viên.

4. Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi:

- Đã nộp đủ học phí theo thông báo;

- Điểm đánh giá ý thức học tập, điểm kiểm tra giữa học phần đạt từ 4 điểm trở lên;

- Đáp ứng các yêu cầu cụ thể của học phần (đã được quy định trong Đề cương chi tiết học phần).

- Đối với các học phần lý thuyết: Có mặt trên lớp học ít nhất 75% số giờ quy định.

- Đối với các học phần chỉ có thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành.

- Đối với các học phần có cả thực hành và lý thuyết: Tham dự đầy đủ số giờ quy định cho phần thực hành, phải hoàn thành đầy đủ các bài thực hành, thực tập và được đánh giá là đạt phần thực hành, đồng thời đủ điều kiện dự thi phần lý thuyết.

- Đối với các học phần tổ chức thi theo hình thức trực tuyến: sinh viên phải đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị và các điều kiện cần thiết để dự thi trực tuyến theo từng hình thức thi (Quy định tại mục 6.7 Điều 6 Quy định về công tác tổ chức kỳ thi học phần theo hình thức trực tuyến dành cho sinh viên hệ đại học chính quy tập trung của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, ban hành theo Quyết định số 1182/QĐ-HVBCCTT ngày 16/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền).

5. Trong một số trường hợp đặc biệt, việc tổ chức thi kết thúc học phần được bố trí xen kẽ trong quá trình triển khai lịch giảng dạy của học kỳ, và phải đảm bảo thời gian ôn thi quy định cho học phần đó, tính từ khi sinh viên hoàn thành buổi học cuối của học phần.

6. Việc ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, thi lại, thực hiện theo Quy định về công tác thi học phần hệ đại học chính quy tập trung của Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo QĐ số 1909/QĐ-HVBCCTT ngày 19/4/2021.

7. Khiếu nại điểm và xem xét lại kết quả thi học phần

a. Khiếu nại điểm đánh giá ý thức học tập, điểm kiểm tra giữa học phần: trong vòng 03 ngày kể từ khi được thông báo điểm, sinh viên khiếu nại điểm với giảng viên giảng dạy, sau thời gian này Học viện không giải quyết khiếu nại điểm đánh giá ý thức học tập, điểm kiểm tra giữa học phần.

b. Khiếu nại điểm thi: Thực hiện theo Quy định về việc phúc khảo bài thi học phần, theo QĐ số 1117/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 09/3/2018.

Điều 14. Học lại, học cải thiện điểm

1. Sinh viên không thuộc đối tượng buộc thôi học có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D. Điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần. Trường hợp điểm lần học cuối không phải là điểm cao nhất trong các lần học, sinh viên muốn sử dụng điểm cao nhất để tính điểm tích lũy cần làm đơn đề nghị.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên đã có điểm học phần đạt được đăng ký học lại để cải thiện điểm trung bình tích lũy.

4. Thời gian đăng ký học lại: cùng thời gian quy định đăng ký học phần theo từng học kỳ. Đối với các lớp học tập trung ngoài giờ, học trong học kỳ hè sẽ có thông báo riêng.

5. Sinh viên còn nợ các học phần không còn được tổ chức giảng dạy trong chương trình đào tạo (do thay đổi, điều chỉnh chương trình) hoặc có nhu cầu tổ chức lớp riêng (để hoàn thành chương trình đào tạo do hết thời hạn học tập theo quy định) có thể đăng ký học theo hình thức tự nguyện. Học phí học lớp tự nguyện tùy thuộc vào số lượng sinh viên đăng ký (số tín chỉ \times mức học phí hiện tại $\times 1,5 \times 10$ sinh viên/số sinh viên đăng ký).

6. Mức học phí tín chỉ đối với học phần đăng ký học lại và học cải thiện điểm gấp 1,5 lần mức học phí tín chỉ hiện hành.

Điều 15. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

1. Cách tính điểm trung bình

a. Để tính điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học và điểm trung bình tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải là quy đổi qua điểm số thang điểm 4 như khoản 3 Điều 12 của Quy định này;

b. Điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học và điểm trung bình tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy;

a_i là điểm của học phần thứ i , theo thang điểm 4;

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i ;

n là tổng số học phần.

2. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy theo thang điểm 4 như sau:

Từ 3,60 đến 4,00: Xuất sắc;

Từ 3,20 đến 3,59: Giỏi;

Từ 2,50 đến 3,19: Khá;

Từ 2,00 đến 2,49: Trung bình;

Từ 1,00 đến 1,99: Yếu;

Dưới 1,0: Kém.

3. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

a) Sinh viên năm thứ nhất	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ;
b) Sinh viên năm thứ hai	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ;
c) Sinh viên năm thứ ba	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 60 tín chỉ đến dưới 90 tín chỉ;
d) Sinh viên năm thứ tư	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 90 tín chỉ trở lên.

4. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 16. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ

1. Cuối mỗi học kỳ chính, sinh viên được cảnh báo học tập nếu thuộc vào một trong các trường hợp sau:

a. Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng kí học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24 tín chỉ;

b. Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo;

c. Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba hoặc dưới 1,8 đối với sinh viên các năm tiếp theo.

2. Sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc vào một trong các trường hợp sau:

a. Số lần cảnh báo học tập vượt quá 02 lần liên tiếp hoặc vượt quá 03 lần không liên tiếp;

b. Hai học kỳ liên tiếp không đăng kí tín chỉ.

c. Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Học viện Quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy định này.

3. Học viện thông báo danh sách sinh viên bị buộc thôi học trên Cổng thông tin điện tử của Học viện, Khoa/Viện quản lý sinh viên thông báo cho sinh viên hoặc thông báo cho người thân của sinh viên (nếu có địa chỉ).

4. Trong vòng 01 (một) tháng kể từ khi có quyết định thôi học, sinh viên được phép chuyển sang học hình thức vừa làm vừa học của Học viện, nếu còn

trong thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến và được bảo lưu, công nhận kết quả học tập đã tích lũy đối với hình thức chuyển đến theo quy định.

Điều 17. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được Học viện xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học.

2. Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của Học viện xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ:

- a. Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;
- b. Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;
- c. Công nhận, chuyển đổi theo cả chương trình đào tạo.

3. Sinh viên có chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học đáp ứng chuẩn đầu ra theo chương trình đào tạo, nộp chứng chỉ trong 01 năm đầu tiên của khóa học, được xem xét miễn học, miễn thi và chuyển điểm.

4. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo (không tính khối lượng học tập các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất và Ngoại ngữ).

Điều 18. Thực tế kinh tế - xã hội, thực tế chính trị - xã hội, kiến tập, thực tập tốt nghiệp

1. Thực tế kinh tế - xã hội, thực tế chính trị - xã hội: được tổ chức muộn nhất là vào học kỳ 2 của năm thứ hai, Khoa/Viện đào tạo tổ chức cho sinh viên tìm hiểu thực tế tại địa phương, cơ sở, trải nghiệm hoạt động nghề nghiệp, vị trí việc làm của ngành, chương trình đào tạo.

2. Kiến tập: giữa khóa học, muộn nhất vào năm thứ ba, Khoa/Viện đào tạo tổ chức cho sinh viên kiến tập về các hoạt động chuyên môn của ngành, chương trình đào tạo.

3. Thực tập tốt nghiệp: sinh viên đạt tích lũy từ 80% tổng khối lượng tín chỉ của chương trình đào tạo được đăng ký thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận/tác phẩm tốt nghiệp. Khóa luận/tác phẩm tốt nghiệp có khối lượng tối thiểu 6 tín chỉ; thời gian thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp tối thiểu là 08 tuần.

4. Tổ chức thực hiện

a. Hằng năm, trên cơ sở kế hoạch chung của Học viện, Trường Khoa/Viện có trách nhiệm tổ chức các công tác trải nghiệm thực tế, kiến tập, cụ thể hóa yêu cầu thực tập và làm khóa luận/tác phẩm tốt nghiệp phù hợp với đặc điểm ngành, chương trình đào tạo của đơn vị. Kế hoạch trải nghiệm thực tế, kiến tập, thực tập do Khoa/Viện xây dựng và đề xuất trước khi có dự thảo lịch cho học kỳ tiếp theo.

b. Trường Khoa/Viện có trách nhiệm tổ chức phân công giảng viên hướng dẫn sinh viên thực tế, kiến tập, thực tập và làm khóa luận/tác phẩm tốt nghiệp theo quy định.

5. Đánh giá điểm thực tế, kiến tập, thực tập như sau:

a. Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia trong đợt thực tế, kiến tập, thực tập 20% (điểm này do giảng viên hướng dẫn chấm).

b. Điểm nhận xét đánh giá về quá trình thực tế, kiến tập, thực tập 30% (điểm này do cơ sở sinh viên đến thực tế, kiến tập, thực tập chấm).

c. Điểm chấm bài thu hoạch, tác phẩm, sản phẩm khi sinh viên đi thực tế, kiến tập, thực tập 50% (điểm này do Khoa/Viện chuyên môn chấm).

Điểm học phần thực tế, kiến tập, thực tập là điểm trung bình cộng các đầu điểm trên với tỷ trọng điểm tương ứng.

Điều 19. Làm khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế

1. Tiêu chuẩn làm khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp (sau đây gọi chung là khoá luận):

- Sinh viên hệ chính quy bậc đại học không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên trong quá trình học tập;

- Sinh viên đã tích lũy ít nhất được 80% số tín chỉ (không tính tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh);

- Điểm trung bình chung tích lũy của sinh viên đạt 2,50 trở lên.

Tỷ lệ sinh viên làm khoá luận không vượt quá 30% tổng số sinh viên mỗi lớp đối với hệ đào tạo văn bằng 1 và không quá 40% tổng số sinh viên đối với hệ đào tạo văn bằng thứ hai. Sinh viên Lào được đăng ký hình thức tốt nghiệp theo nguyện vọng.

Riêng đối với hình thức làm tác phẩm tốt nghiệp, các khoa phải có văn bản đề nghị Giám đốc Học viện duyệt trước khi cho sinh viên đăng ký.

Danh sách sinh viên được làm khoá luận được thông báo trước ngày 15/5 và 1/12 hằng năm để sinh viên có thể kịp thời gian đăng ký vào các lớp học phần của học kỳ tiếp theo của khoá học.

– Thời gian thực hiện đề tài khoá luận: từ 4 - 6 tháng.

2. Học và thi một số học phần thay thế khoá luận: sinh viên không đủ tiêu chuẩn làm khoá luận phải đăng ký học các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp được quy định trong chương trình khung đào tạo của ngành/chuyên ngành.

3. Đánh giá khoá luận thực hiện theo Quyết định số 1001-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 23/02/2021 về việc thực hiện và đánh giá khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp của sinh viên.

Điều 20. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a. Nộp đầy đủ học phí;

b. Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

c. Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học của chương trình đào tạo;

d. Điểm trung bình tích lũy của toàn khoá học đạt từ trung bình trở lên;

e. Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất;

đ. Có đơn gửi Ban Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2. Hằng năm, Học viện tổ chức họp xét tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên hệ chính quy vào 03 (ba) đợt chính: tháng 6, tháng 9, tháng 12. Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Hội đồng xét tốt nghiệp Học viện do Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Học viện được Giám đốc uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng ban Quản lý Đào tạo làm Ủy viên thường trực và các thành viên là các trưởng khoa/viện chuyên môn và một số phòng ban có liên quan.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Giám đốc Học viện ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp.

4. Sinh viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp nhưng chưa muốn xét tốt nghiệp do cần kéo dài thời gian ở trong trường theo quy định ở khoản 6 Điều 2 có thể viết đơn xin hoãn xét tốt nghiệp (theo mẫu) nộp về Ban Quản lý Đào tạo vào cuối mỗi học kỳ.

5. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- a. Loại Xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b. Loại Giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c. Loại Khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d. Loại Trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

6. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khoá được quy định tại khoản 2 Điều 14 của Quy định này, trong đó, hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;
- b. Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

7. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thành các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

8. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của Học viện.

9. Sinh viên đại học chính quy hết thời gian học tối đa theo quy định được chuyển qua học hình thức vừa làm vừa học của Học viện, nếu còn trong thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến và được bảo lưu, công nhận kết quả học tập đã tích lũy đối với hình thức chuyển đến theo quy định.

Chương IV

NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 21. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Sinh viên nghỉ học tạm thời trong học kỳ, không thuộc diện theo khoản 2 Điều này do bị ốm hoặc lý do chính đáng khác, phải làm đơn kèm theo minh chứng gửi Ban Quản lý Đào tạo xem xét, trình Giám đốc quyết định.

2. Nghỉ học tạm thời:

Sinh viên được xin nghỉ học tạm thời (từ 01 học kỳ chính trở lên) và được bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a. Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b. Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;
- c. Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
- d. Vì lý do cá nhân khác nhưng đã phải học tối thiểu 01 học kỳ ở Học viện và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

3. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân được tính vào thời gian chính thức quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy định này.

4. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại Học viện, phải viết đơn gửi Ban Giám đốc (qua Ban Quản lý Đào tạo) ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

5. Sinh viên được xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Những sinh viên này muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác. Sinh viên xin thôi học được bảo lưu và công nhận kết quả học tập đã tích lũy theo quy định.

Điều 22. Miễn học, tạm hoãn học các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất

1. Đối tượng được miễn học các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh

a. Đối tượng được miễn học toàn bộ

- Sinh viên có chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do trường đại học, học viện quân đội, công an cấp;
- Sinh viên đã có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh;
- Sinh viên là người nước ngoài;
- Sinh viên đào tạo văn bằng 2

b. Đối tượng được miễn học, miễn thi các nội dung đã học

Sinh viên chuyển cơ sở đào tạo được miễn học các nội dung đã học nhưng phải có điểm đánh giá kết quả học tập các nội dung tương ứng đạt 5,0 trở lên.

c. Đối tượng được miễn học các học phần thực hành kỹ năng quân sự

- Sinh viên là tu sỹ thuộc các tôn giáo;

- Sinh viên có thương tật, khuyết tật bẩm sinh, bị bệnh mãn tính làm hạn chế chức năng vận động có giấy chứng nhận của bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên;

- Sinh viên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, có giấy xuất ngũ do đơn vị quân đội có thẩm quyền cấp.

2. Đối tượng được miễn học các học phần Giáo dục thể chất

a. Đối tượng được miễn học toàn bộ các học phần

- Sinh viên đã hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất phù hợp với trình độ đào tạo.

- Sinh viên đã có chứng chỉ Giáo dục thể chất.

b. Đối tượng được miễn học các học phần thực hành

Sinh viên có thương tật, dị tật bẩm sinh làm hạn chế chức năng vận động (có giấy chứng nhận của bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên) được miễn học các nội dung thực hành hoặc có thể lựa chọn nội dung đặc thù dành cho người khuyết tật.

3. Đối tượng được tạm hoãn học các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất.

- Sinh viên bị ốm đau, tai nạn, thiên tai, hỏa hoạn. Trường hợp vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị, phải có giấy xác nhận của bệnh viện nơi sinh viên điều trị.

- Nữ sinh viên đang mang thai hoặc trong thời gian nghỉ thai sản theo quy định hiện hành.

Các đối tượng trên nếu được Giám đốc Học viện chấp thuận cho tạm hoãn học thì sau khi hết thời hạn tạm hoãn phải tiếp tục học những nội dung còn thiếu theo quy định.

Điều 23. Chuyển ngành, chuyển nơi học, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức học

1. Sinh viên được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác, hoặc chuyển đơn vị liên kết đào tạo (đối với sinh viên vừa làm vừa học) khi có đủ các điều kiện sau:

a. Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa học theo thiết kế, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy định này;

b. Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo, trong cùng khóa tuyển sinh;

c. Đạt yêu cầu các điều kiện đảm bảo chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d. Được sự đồng ý của Trường các đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình, ngành đào tạo (nơi chuyển đi và chuyển đến) hoặc trường đơn vị liên kết đào tạo (nơi chuyển đi và chuyển đến) đối với hình thức đào tạo Vừa làm vừa học và của Giám đốc.

2. Sinh viên được xem xét chuyển cơ sở đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:

a. Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy định này;

b. Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

c. Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d. Được sự đồng ý của hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

3. Sinh viên được xem xét chuyển từ hình thức chính quy sang hình thức vừa làm vừa học của Học viện nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến.

Điều 24. Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo

1. Căn cứ vào quy định về việc công nhận lẫn nhau về quy trình đào tạo, nội dung đào tạo và giá trị của tín chỉ, Học viện cho phép sinh viên được học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác và ngược lại (sau đây gọi là trao đổi sinh viên).

2. Nếu được Giám đốc, Hiệu trưởng của hai cơ sở đào tạo đồng ý, sinh viên có thể đăng ký thực hiện học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác với số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở đào tạo khác không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo (hông bao gồm khối lượng các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh và các học phần Giáo dục thể chất).

3. Trong hợp tác đào tạo giữa Học viện với các cơ sở đào tạo khác, việc đánh giá và công nhận lẫn nhau số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở phối hợp đào tạo khác không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương

trình đào tạo (không bao gồm khối lượng các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh và các học phần Giáo dục thể chất).

4. Điều kiện trao đổi sinh viên, hợp tác đào tạo, việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên khi thực hiện chương trình đào tạo theo quy định của Học viện.

Điều 25. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên có thể đăng ký học thêm các học phần của một chương trình khác, ngành khác khi đảm bảo các điều kiện quy định, nhưng chỉ được hưởng các quyền lợi chính thức và được xem xét công nhận tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đã đăng ký thành công học chương trình thứ hai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng 01 trong 02 điều kiện sau đây:

a. Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

b. Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

3. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo và sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng hai chương trình là thời gian tối đa quy định theo chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy định này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng ký muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tuyển chương trình thứ hai.

Điều 26. Xử lý vi phạm đối với sinh viên

1. Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người khác khi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Chế độ báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin

1. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm:

Học viện báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về số liệu sinh viên tuyển mới, tốt nghiệp, thôi học và đang học trong năm, dự kiến tốt nghiệp trong năm sau, tốt nghiệp đã có việc làm trong thời gian 12 tháng; phân loại theo đối tượng đầu vào, ngành đào tạo, khóa đào tạo và hình thức đào tạo;

2. Học viện tổ chức lưu trữ, bảo quản an toàn các tài liệu liên quan tới công tác đào tạo theo các quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

a. Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại Học viện.

b. Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo được lưu trữ, bảo quản trong suốt quá trình đào tạo;

c. Việc tiêu hủy tài liệu liên quan tuyển sinh, đào tạo hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Học viện công khai trên Cổng thông tin điện tử chậm nhất 45 ngày trước khi tổ chức đào tạo:

a. Quy định đào tạo và các quy định quản lý đào tạo có liên quan;

b. Quyết định mở ngành và các quyết định tổ chức đào tạo chính quy, vừa làm vừa học, liên kết đào tạo; trong đó ghi rõ tên ngành, hình thức đào tạo, đối tượng, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh, địa điểm đào tạo, cơ sở phối hợp đào tạo và các thông tin khác có liên quan;

c. Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d. Các minh chứng về việc các chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

đ. Thông báo tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh hiện hành;

e. Các minh chứng về việc đáp ứng yêu cầu tối thiểu đối với liên kết đào tạo vừa làm vừa học theo quy định.


Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với các khóa học tuyển sinh sau ngày 15 tháng 8 năm 2021.

2. Các chế độ, chính sách đối với sinh viên các khóa trước bảo lưu, học lại cùng các khóa học tuyển sinh sau ngày 15 tháng 8 năm 2021 thực hiện theo Quy định này.

3. Trưởng Ban Quản lý Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan, sinh viên đại học chính quy, sinh viên đại học vừa làm vừa học và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách thi hành Quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Ban Quản lý Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Giám đốc xem xét quyết định.

GIÁM ĐỐC 

Phạm Minh Sơn